

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/DS-ST
Ngày: 30 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa

2. Ông Lê Văn Hoàng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đào Công Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:* Phan Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2022, về việc “*Tranh chấp Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH H.

Địa chỉ: Quốc lộ 91, khóm Bình Đức 5, phường Bình Đức, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Như B, sinh năm 1978, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Việt B, sinh năm 1979 là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 20/4/2022). (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Văng Quang T, sinh năm 1983 (Có mặt)

Chị Trần Thị T, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Hùng K(Bùi Hồng K) sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ 01, ấp Đông Bình Nhất, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Việt B trình bày:

Từ năm 2018, Công ty TNHH H với vợ chồng anh Văng Quang T, chị Trần Thị T có thỏa thuận (hợp đồng miệng) mua bán thuốc thú y và thức ăn thủy sản để vợ chồng anh T, chị T nuôi cá. Phương thức thanh toán là mỗi lần giao thì anh T, chị T thanh toán một phần và thiếu lại một phần. Quá trình thực hiện hợp đồng phía công ty đã cung cấp đầy đủ thuốc và thức ăn nuôi cá cho anh T, chị T nhiều đợt, mỗi lần giao đều có giấy tờ xác nhận. Đến ngày 05/4/2019 phía công ty với anh T, chị T có xác nhận công nợ thì anh T, chị T còn nợ 42.000.000 đồng, sau đó phía công ty tiếp tục cung cấp thuốc và thức ăn cho anh T, chị T để nuôi cá, đến ngày 31/12/2019 Công ty với anh T, chị T có xác nhận công nợ thì anh T, chị T còn nợ 194.136.000 đồng, anh T, chị T hứa thanh toán cho công ty mỗi khi bán cá nhưng anh T, chị T không trả.

Đối với Giấy xác nhận công nợ ngày 31/12/2019, có tên của K là do khi phía công ty giao giấy xác nhận nợ cho anh T, chị T mang về để ký tên, sau đó anh T, chị T giao lại thì có tên ông K, thực chất việc mua bán chỉ giữa Công ty với anh T, chị T chứ không liên quan gì đến ông K, vì ông K là người môi giới cho Công ty để bán được hàng, thỏa thuận mua bán ban đầu là do anh T, chị T trực tiếp đến công ty để hợp đồng không liên quan đến ông K.

Do đó, Công ty TNHH H yêu cầu anh T, chị T phải trả số tiền vốn là 194.136.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng) và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng đối với việc chậm thanh toán số tiền còn nợ kể từ ngày 31/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn ông Văng Quang T trình bày:*

Anh T thừa nhận có mua bán thức ăn và thuốc thú y với Công ty Hương Mêkông và còn thiếu tiền của Công ty chưa trả, cụ thể lúc trước thiếu 42.000.000đ có làm giấy xác nhận nợ ngày 05/9/2019 đã trả được 30.000.000. Sau đó có hùn hạp cùng ông K nuôi cá và mua thức ăn, thuốc thiếu thêm hơn một trăm tám mươi triệu, tổng cộng còn thiếu 194.136.000đ. Hai giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2019 và

ngày 05/4/2019 là chữ ký và chữ viết của anh T và ông K. Anh T xác định là có nợ Công ty 194.136.000đ yêu cầu ông K cùng có trách nhiệm với anh T trả nợ cho công ty, phần của ông K một nửa số tiền nợ, phần của anh T là một nửa số tiền nợ. Riêng chị T là vợ anh T không biết việc anh T hùn hạp với ông K và cũng không biết việc anh T mua bán với công ty để nuôi cá như thế nào.

** Theo bản tự khai bị đơn Trần Thị T trình bày:*

Ch Trần Thị T với Văn Quang T là vợ chồng, việc mua bán thức ăn giữa Công ty TNHH H với anh T, ông K chứ không liên quan với chị T, chị không có đến Công ty để mua bán thức ăn lần nào, mọi việc mua bán đều do anh T trực tiếp thỏa thuận. Việc anh T mua thức ăn của công ty để nuôi cá, do anh T hùn với ông K cùng nhau mua thức ăn với Công ty để nuôi cá tra bột và có thiếu tiền 194.136.000đ. Nay chị T yêu cầu ông K cùng có trách nhiệm với chồng chị T trả nợ cho công ty, phần của ông K $\frac{1}{2}$ số tiền nợ, phần của chồng chị T là $\frac{1}{2}$ số nợ. Chị T không có liên quan không đồng ý trả tiền cùng anh T.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ đương sự ông K theo quy định pháp luật nhưng ông K không đến tham gia phiên hòa giải, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến mà không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông K được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, căn cứ vào hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là anh T, chị T trả một nửa số tiền còn thiếu cho nguyên đơn 97.068.000đ.

Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn, nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty TNHH H làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Văn Quang T và bà Trần Thị T phải trả số tiền 194.136.000đ đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 31/12/2019 cho đến khi dứt nợ. Anh T, bà T có địa chỉ tại ấp Vĩnh Hiệp, xã Vĩnh Khánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Căn cứ Điều

35, Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay chị T, ông K đã được Tòa án tổng đạt Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật, nhưng chị T, ông K vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K.

[2] Về nội dung: Công ty TNHH H khởi kiện yêu cầu anh Văng Quang T và ch Trần Th T phải trả cho Công ty TNHH H số tiền 194.136.000đ đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 31/12/2019 cho đến khi dứt nợ tiền mua thuốc và thức ăn nuôi cá chưa trả.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy xác nhận nợ ngày 05/4/2019 anh T xác nhận có thiếu tiền công ty 42.000.000đ và giấy xác nhận nợ ngày 31/12/2019 có chữ ký anh T, ông K với nội dung anh T thừa nhận còn nợ Công ty TNHH H 194.136.000đ tiền mua thuốc và thức ăn nuôi cá. Như vậy giữa Công ty TNHH H và anh T, ông K có xác lập hợp đồng mua bán với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng mua bán giữa hai bên đương sự được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, có làm giấy tờ phù hợp với Điều 430 Bộ luật dân sự 2015. Anh T thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy xác nhận nợ là của anh và thừa nhận anh cùng với ông K còn thiếu Công ty TNHH H 194.136.000đ chưa trả.

[4] Tại giấy xác nhận công nợ ngày 31/12/2019 có chữ ký của hai người là Văng Quang T và Bùi Hồng K (Bùi Hùng K và Bùi Hồng K là một người) nên anh T yêu cầu ông K phải có trách nhiệm trả chung với anh T vì hai người cùng thỏa thuận mua thuốc và thức ăn để nuôi cá. Công ty TNHH H xác định khi có giấy xác nhận nợ thì Công ty giao giấy xác nhận nợ cho anh T, chị T mang về để ký tên, sau đó anh T, chị T giao lại thì có tên ông K, thực chất việc mua bán chỉ giữa Công ty với anh T, chị T chứ không liên quan gì đến ông K, có một số hóa đơn ông K ký nhưng chỉ là ký nhận hàng thay anh T vì có lúc giao hàng thì gặp ông K không gặp anh T, mặt khác ông K là người môi giới cho công ty để bán được hàng, thỏa thuận mua bán ban đầu là do anh T, chị T trực tiếp đến Công ty để hợp đồng, không liên quan ông K. Tuy nhiên, qua xem xét các chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các giấy xác nhận công nợ, các bản kê hóa đơn bán hàng thì các hóa đơn mua hàng công ty K ghi tên khách hàng là “ông Mười + ông K”, tại giấy xác nhận công nợ có chữ ký nhận của ông Bùi Hồng K do vậy nguyên đơn

yêu cầu anh T và chị T phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền còn thiếu là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H yêu cầu chị T phải có trách nhiệm trả chung số nợ với anh T thì thấy việc nuôi cá là để kinh doanh và phục vụ sinh hoạt trong gia đình, chị T và anh T cho rằng chị T hoàn toàn không biết việc này tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 21/6/2022 chị T có lời khai trình bày yêu cầu ông Bùi Hồng K phải có trách nhiệm trả chung số nợ mua thức ăn nuôi cá với vợ chồng chị T và anh T do đó việc Công ty yêu cầu chị T và anh T cùng phải có trách nhiệm trả số nợ cho công ty là có cơ sở.

Từ những phân tích trên thì anh T, chị T phải có trách nhiệm phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ. Ông K có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ, nhưng do nguyên đơn không khởi kiện yêu cầu ông K cùng phải có trách nhiệm trả nợ nên không xem xét trách nhiệm trả nợ của ông K trong vụ án này. Nguyên đơn có quyền khởi kiện nếu có yêu cầu sau.

Về tiền lãi: Công ty TNHH H yêu cầu anh T, bà T phải trả lãi theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy anh T, bà T có mua bán với Công ty TNHH H thời gian đã lâu mà chưa thanh toán hết số tiền mua hàng còn thiếu cho Công ty, do đó đã ảnh hưởng đến quyền lợi của công ty nên Công ty TNHH H yêu cầu tính lãi từ ngày có giấy xác nhận nợ 31/12/2019 là có căn cứ được xem xét, tiền lãi được tính như sau. Từ ngày 31/12/2019 đến ngày 30/9/2022 làm tròn 33 tháng, lãi suất 10%/năm (0,833% tháng). $194.136.000đ \times \frac{1}{2} \times 0,833\% \times 33 \text{ tháng} = 26.683.023đ$.

Tổng cộng vốn lãi là 123.751.023đ.

Như vậy cần buộc anh T, chị T có trách nhiệm trả vốn, lãi cho Công ty TNHH H 123.751.023đ là phù hợp.

[6] Về án phí, căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do bị đơn phải có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số tiền cho Công ty TNHH H nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH H phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình 2014 và các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; Điều 26 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H.

Buộc anh Văng Quang T và chị Trần Thị T có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH H số tiền gốc 97.608.000đ, lãi 26.683.023đ tổng cộng 123.751.023đ (*Một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm năm mươi một ngàn không trăm hai mươi ba đồng*).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 123.751.023đ của Công ty TNHH H.

Về án phí: Anh Văng Quang T và chị Trần Thị T phải chịu 6.187.551đ (*Sáu triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty TNHH H phải chịu 6.187.551đ (*Sáu triệu một trăm tám mươi bảy ngàn năm trăm năm mươi một đồng*) nhưng được khấu trừ 4.854.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009204 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. Công ty TNHH H phải nộp thêm 1.333.551đ (*Một triệu ba trăm ba mươi ba ngàn năm trăm năm mươi một đồng*).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự (Đề thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Th Thu Hằng